

Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
I (3,0 đ)	1	Trình bày vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa có ý nghĩa như thế nào về an ninh quốc phòng?	1,50	
		a) Trình bày vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.	1,00	
		- Vùng đặc quyền về kinh tế: + Vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. + Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hoạt động hàng hải và hàng không theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.	0,25 0,25	
		- Thềm lục địa: + Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200 m hoặc hơn nữa. + Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí các tài nguyên thiên nhiên.	0,25 0,25	
			b) Việc đánh bắt hải sản của ngư dân nước ta ở ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa có ý nghĩa như thế nào về an ninh quốc phòng?	0,50
			- Khẳng định chủ quyền của nước ta đối với hai quần đảo và vùng biển, thềm lục địa xung quanh. - Góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển nước ta.	0,25 0,25
	2		Vì sao tình trạng thiếu việc làm ở Việt Nam hiện nay vẫn còn diễn ra gay gắt? Trình bày các hướng giải quyết việc làm cho người lao động ở nước ta.	1,50
			a) Vì sao tình trạng thiếu việc làm ở Việt Nam hiện nay vẫn còn diễn ra gay gắt?	0,75
			- Nước ta là nước đông dân (hơn 90 triệu người), nguồn lao động dồi dào (hơn 50% tổng số dân), mỗi năm tăng thêm hơn 1 triệu lao động. - Nền kinh tế tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng còn chậm phát triển, chưa tạo ra đủ việc làm cho số lao động tăng thêm hàng năm. - Các lí do khác: Trình độ người lao động còn hạn chế, việc đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu...	0,25 0,25 0,25
			b) Trình bày các hướng giải quyết việc làm cho người lao động ở nước ta.	0,75
		- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động; thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản. - Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất; tăng cường hợp tác để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng xuất khẩu. - Mở rộng các loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.	0,25 0,25	

II (2,0 đ)	Chứng minh rằng nước ta có nhiều thế mạnh về tự nhiên để phát triển công nghiệp điện lực. Kể tên 4 nhà máy thủy điện với công suất mỗi nhà máy từ 400 MW trở lên đang hoạt động ở Việt Nam.		2,00																				
	1) Chứng minh rằng nước ta có nhiều thế mạnh về tự nhiên để phát triển công nghiệp điện lực.		1,50																				
	a) Nguồn nhiên liệu:																						
	- Than: Than antraxit có trữ lượng lớn, nhiệt lượng cao ở Quảng Ninh; than nâu ở Đồng bằng sông Hồng...	0,50																					
	- Dầu khí: Trữ lượng lớn, tập trung ở các bể trầm tích tại thềm lục địa.	0,25																					
b) Tiềm năng thủy điện:																							
- Rất lớn (khoảng 30 triệu kw).	0,25																						
- Tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng (37%), hệ thống sông Đồng Nai (19%).	0,25																						
c) Các nguồn năng lượng khác: Mặt Trời, sức gió...		0,25																					
2) Kể tên 4 nhà máy thủy điện với công suất mỗi nhà máy từ 400 MW trở lên đang hoạt động ở Việt Nam:		0,50																					
Son La (2400 MW), Hòa Bình (1920 MW), Yaly (720 MW), Trị An (400 MW).																							
III (2,0 đ)	Trình bày việc phát triển nghề cá và du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Vì sao đánh bắt hải sản xa bờ đang được đẩy mạnh ở vùng này?		2,00																				
	1) Trình bày việc phát triển nghề cá và du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.		1,50																				
	a) Nghề cá:																						
	- Biển giàu hải sản, nhất là các tỉnh cực Nam Trung Bộ và có ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa; sản lượng đánh bắt lớn, nhất là cá biển.	0,25																					
	- Bờ biển có nhiều vụng, đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản; việc nuôi trồng được phát triển ở nhiều tỉnh.	0,25																					
- Hoạt động chế biến thủy sản đa dạng, phong phú với một số đặc sản (nước mắm Phan Thiết...).	0,25																						
- Chú ý việc khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	0,25																						
b) Du lịch biển:																							
- Có nhiều bãi biển nổi tiếng (Mỹ Khê, Sa Huỳnh...).	0,25																						
- Hình thành các trung tâm du lịch có sức hấp dẫn đối với du khách.	0,25																						
2) Vì sao đánh bắt hải sản xa bờ hiện nay đang được đẩy mạnh ở vùng này?		0,50																					
- Có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên sinh vật ở ven bờ.	0,25																						
- Khẳng định chủ quyền và góp phần bảo vệ biển - đảo của nước ta.	0,25																						
IV (3,0 đ)	1	Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản ở nước ta trong giai đoạn 2000 - 2010.	2,00																				
	a) Xử lí số liệu:		0,50																				
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP, CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2000 - 2010 (Đơn vị: %)																							
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2005</th> <th>2008</th> <th>2010</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Lâm nghiệp</td> <td>100,0</td> <td>107,0</td> <td>115,0</td> <td>125,2</td> </tr> <tr> <td>Chăn nuôi</td> <td>100,0</td> <td>141,0</td> <td>169,5</td> <td>199,2</td> </tr> <tr> <td>Thủy sản</td> <td>100,0</td> <td>177,9</td> <td>229,7</td> <td>261,8</td> </tr> </tbody> </table>		Năm	2000	2005	2008	2010	Lâm nghiệp	100,0	107,0	115,0	125,2	Chăn nuôi	100,0	141,0	169,5	199,2	Thủy sản	100,0	177,9	229,7	261,8
Năm	2000	2005	2008	2010																			
Lâm nghiệp	100,0	107,0	115,0	125,2																			
Chăn nuôi	100,0	141,0	169,5	199,2																			
Thủy sản	100,0	177,9	229,7	261,8																			

	<p>b) <i>Vẽ biểu đồ:</i> Yêu cầu: - Biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ đường. - Vẽ chính xác, có chú giải và tên biểu đồ.</p> <p>TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP, CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2000 - 2010</p>	1,50
2	<p><i>Nhận xét tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và giải thích.</i></p>	1,00
	<p>a) <i>Nhận xét:</i> Giá trị sản xuất của cả ba ngành đều tăng: Nhanh nhất là thủy sản, rồi đến chăn nuôi, cuối cùng là lâm nghiệp.</p>	0,50
	<p>b) <i>Giải thích:</i> Thủy sản tăng nhanh nhất, chủ yếu do đã khai thác được các thị trường giàu tiềm năng (nhất là Mỹ, EU, Nhật Bản); chăn nuôi tăng, chủ yếu do đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội; lâm nghiệp tăng chậm hơn, chủ yếu do hạn chế hoạt động khai thác...</p>	0,50
<p>ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II + III + IV = 10,00 điểm.</p>		

----- Hết -----